

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân loại, phân cấp đê trên địa bàn thành phố Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị phân cấp các tuyến đê trên địa bàn thành phố Hà Nội tại tờ trình số 77/TTtr-UBND ngày 06/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại, phân cấp các tuyến đê trên địa bàn thành phố Hà Nội để làm cơ sở cho việc quản lý, bảo vệ, tu bổ, nâng cấp và hộ đê phòng lụt như sau:

1) Đê cấp đặc biệt:

Tên tuyến đê	Vị trí (Từ Km - Km)	Chiều dài (m)	Loại đê
- Đê hữu Hồng	K47+980-K85+689	37.709	Đê sông

2) Đê cấp I:

Tên tuyến đê	Vị trí (Từ Km - Km)	Chiều dài (m)	Loại đê
- Đê hữu Hồng	K0+000-K36+200	36.200	Đê sông
- Đê hữu Hồng	K40+350-K47+980	7.630	Đê sông
- Đê hữu Hồng	K85+689-K117+850	32.161	Đê sông
- Đê tả Hồng	K28+503-K77+284	48.781	Đê sông
- Đê hữu Đuống	K0+000-K21+447	21.447	Đê sông
- Đê tả Đuống	K0+000-K22+458	22.460	Đê sông

- Đê tả Đáy	K0+000-K65+350	65.350	Đê sông
- Đê Vân Cốc	K0+000-K15+160	15.160	Đê sông
Tổng		249.189	

Đối với tuyến đê Vân Cốc, Thành phố cần tập trung nâng cấp để đảm bảo yêu cầu chống lũ theo quy định tại Nghị định số 04/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về việc thực hiện bãi bỏ việc sử dụng các khu phân lũ, làm chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng.

3) Đê cấp II:

Tên tuyến đê	Vị trí (Từ Km - Km)	Chiều dài (m)	Loại đê
- Đê hữu Đà	K0+000-K9+700	9.700	Đê sông
- Đê tả Đáy	K65+350-K80+022	14.670	Đê sông
- Đê La Thạch	K0+000-K6+500	6.500	Đê sông
- Đê Ngọc Tảo	K0+000-K14+134	14.134	Đê sông
Tổng		45.004	

4) Đê cấp III:

Tên tuyến đê	Vị trí (Từ Km - Km)	Chiều dài (m)	Loại đê
- Đê hữu Cầu	K17+000-K28+828	11.828	Đê sông
- Đê tả Cà Lồ	K0+000-K20+252	20.252	Đê sông
- Đê hữu Cà Lồ	K0+000-K9+065	9.065	Đê sông
- Đê hữu Đáy	K0+000-K18+420	18.420	Đê sông
- Đê Quang Lăng	K0+000-K1+600	1.600	Đê bao
- Đê Liên Trung	K0+000-K4+000	4.000	Đê bao
- Đê Tiên Tân	K0+000-K7+000	7.000	Đê bao
Tổng		72.165	

5) Đê cấp IV:

Tên tuyến đê	Vị trí (Từ Km - Km)	Chiều dài (m)	Loại đê
- Đê hữu Đáy	K18+420-K69+670	51.250	Đê sông
- Đê tả Tích	K0+000-K32+620	32.620	Đê sông
- Đê tả Bùi	K0+000-K14+566	14.566	Đê sông

- Đê hữu Bùi	K0+000-K18+650	18.650	Đê sông
- Đê Mỹ Hà	K0+000-K12+700	12700	Đê sông
- Đê Khánh Minh	Khánh Thượng - Minh Quang	6.230	Đê bao
- Đê Vòng Âm	Trung Giã - Nam Sơn (Sóc Sơn)	1.000	Đê bao
- Đê Đô Tân	Trung Giã - Nam Sơn (Sóc Sơn)	7.000	Đê bao
- Đê bao hồ Quan Sơn - Tuy Lai - Vĩnh An	Thuộc 5 xã: Tuy Lai, Mỹ Thành, An Mỹ, Hồng Sơn, Hợp Tiến (Mỹ Đức)	16.000	Đê chuyên dùng
Tổng		160.016	

6) Đê cấp V:

a) Đê bồi

Tên đê bồi	Tên đê chính	Vị trí tương ứng với Km đê chính	Chiều dài (m)
- Bồi Thuận Mỹ	Đê hữu Đà	K0 - K2+270	2.270
- Bồi Ba Vì	Đê hữu Hồng	K11+700- K17+000	5.300
- Bồi Vân Phúc	Đê hữu Hồng	K4+000-K5+000	2.000
- Bồi Vân Nam	Đê hữu Hồng	K5+000-K6+700	2.000
- Bồi sông Hồng	Đê hữu Hồng	K47+980-K52+900	4.920
- Bồi Nhật Tân - Tứ Liên	Đê hữu Hồng	K58+766-K62+600	3.834
- Bồi hữu Hồng	Đê hữu Hồng	K91+300 - K92+700	1.400
- Bồi hữu Hồng	Đê hữu Hồng	K92+700 - K93+500	800
- Bồi Đan Phượng	Đê Vân Cốc	K8+800-K10+000	2.800
- Bồi Chi Đông- Chi Nam	Đê hữu Đuống	K19+850-K21+447	1.597
Tổng			26.921

b) Đê chuyên dùng

Tên tuyến đê	Sông	Thuộc địa bàn	Chiều dài (m)
--------------	------	---------------	------------------

- Đê Đồng Chiêm	Ngăn lũ rừng ngang từ Hòa Bình đổ ra	xã An Phú, huyện Mỹ Đức	3.120
- Đê Quán Mai - Nam Hưng		xã An Phú, huyện Mỹ Đức	5.000
- Đê vùng Hương Sơn		xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	10.000
- Đê vùng 700		xã An Phú, huyện Mỹ Đức	5.000
- Đê Linh Cầm	sông Cà Lồ	xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	3.200
- Đê Phú Cường	sông Cà Lồ	xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn	2.600
- Đê Phù Lỗ	sông Cà Lồ	xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn	4.400
- Đê Thanh Xuân	sông Cà Lồ	xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	1.800
Tổng			35.120

Điều 2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ quy định tại Điều 1 để chỉ đạo các cấp, ngành của Thành phố trong việc thực hiện đảm bảo an toàn cho đê điều.

Điều 3. Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống lụt, bão, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND thành phố Hà Nội;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội;
- Chi cục ĐĐ&PCLB thành phố Hà Nội;
- Cục QLĐĐ&PCLB (VT, QHKH, CLB, QLĐ.5b);
- Lưu VT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Văn Thắng